

11. Kodavoor SK, Preethi V, Dandapani R. Profile of complications in pterygium surgery - A retrospective analysis. *Indian J Ophthalmol.* 2021;69(7):1697-701. 10.4103/ijo.IJO\_3055\_20.
  12. Nguyễn Việt Dũng, Huỳnh Nghiệp, Bùi Mạnh Côn. Đánh giá phương pháp phẫu thuật ghép màng thịt ghép kết mạc tự thân. *Y Học TP Hồ Chí Minh.* 2016;20(5):115-8.
  13. Costa FQ, Costa RQ, Barbosa JB, Gomes JAP. Pterygium Surgery with Conjunctival Autograft Fixation Using Bipolar Electrocauterization. *Eur J Ophthalmol.* 2021;31(3):1458-62. 10.1177/1120672120965488.
- 

**NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG  
CỦA SINH VIÊN RĂNG HÀM MẶT NĂM NHẤT VÀ HAI NĂM CUỐI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2022**

*Trần Hoàng Uyên Anh\*, Nguyễn Long Nguyễn, Huỳnh Trà Mi,  
Lê Quốc Bình, Đỗ Thị Thảo*

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: 1853020003@student.ctump.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 09/6/2023*

*Ngày phản biện: 23/10/2023*

*Ngày duyệt đăng: 31/10/2023*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Kiến thức về sức khỏe răng miệng là điều kiện tiên quyết cơ bản cho hành vi của một cá nhân trong việc thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe răng miệng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ kiến thức đúng và thực hành chăm sóc răng miệng của sinh viên Răng Hàm Mặt năm nhất và hai năm cuối Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang dựa vào bộ câu hỏi khảo sát có 3 phần, gồm 24 nội dung trên 120 sinh viên Răng Hàm Mặt năm I, năm V và năm VI Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2021-2022. **Kết quả:** Đa số sinh viên tham gia nghiên cứu có kiến thức tốt về chăm sóc răng miệng với tỉ lệ câu trả lời đúng là 78,4%. Gần như toàn bộ số sinh viên tham gia nghiên cứu đánh răng ít nhất 2 lần / ngày ( 96,2% ở sinh viên năm I; 100% ở sinh viên năm V và năm VI). Có sự khác biệt giữa sinh viên năm I và sinh viên 2 năm cuối có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ) trong tần suất sử dụng chỉ nha khoa và tần suất gặp nha sĩ kiểm tra răng miệng. **Kết luận:** Đa số sinh viên Răng Hàm Mặt có kiến thức và thực hành tốt trong việc chăm sóc răng miệng. Tuy nhiên có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên năm nhất và sinh viên hai năm cuối trong một số biện pháp chăm sóc răng miệng.

**Từ khóa:** sinh viên Răng Hàm Mặt, chăm sóc răng miệng, kiến thức, thực hành.

## ABSTRACT

**ORAL HEALTH KNOWLEDGE AND ORAL HYGIENE PRACTICES AMONG FIRST YEAR AND FINAL 2-YEAR DENTAL STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2022**

*Tran Hoang Uyen Anh* \*, *Nguyen Long Nguyen*, *Huynh Tra Mi*,  
*Le Quoc Binh*, *Do Thi Thao*

*Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

**Background:** Knowledge of oral health is a fundamental prerequisite for healthy behavior, allowing individuals to take measures for oral health care. **Objective:** To determine the correct knowledge and oral hygiene practices rate among first-year and final 2-year undergraduate dental students in 2022. **Materials and methods:** A cross-sectional study based on a 3-part survey questionnaire, including 24 contents about oral health knowledge and oral hygiene practices of 120 students of Odonto-Stomatology faculty in the first, fifth and sixth years of Can Tho University of Medicine and Pharmacy in the academic year 2021-2022 was conducted. **Results:** The majority have good knowledge about oral care with the correct answer rate of 78.4%. Nearly all of the students participated in the study brushed their teeth at least twice a day (96.2% among first-year students; 100% among fifth- and sixth-year students). There is a difference between 1st year students and final-2 year students with statistical significance ( $p < 0.05$ ) in the frequency of flossing and the frequency of dental check-ups. **Conclusions:** Most students of Odonto-Stomatology faculty, Can Tho University of Medicine and Pharmacy have good knowledge and practices in daily oral care. However, there is a statistically significant difference between first-year and final 2-year students in some oral care measures.

**Keywords:** Dental students, oral care, knowledge, practices.

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Sức khỏe răng miệng không chỉ là đề cập đến hàm răng đẹp và khỏe mạnh mà còn là nền tảng cho sức khỏe toàn thân và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân [1]. Nhiều bệnh răng miệng có thể phòng ngừa được thông qua giáo dục về các yếu tố nguy cơ. Vệ sinh răng miệng là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì sức khỏe răng miệng tốt nói riêng và sức khỏe toàn thân cũng như chất lượng cuộc sống nói chung. Phương pháp hiệu quả nhất để ngăn ngừa sâu răng hoặc viêm nha chu là loại bỏ mảng bám răng bằng cách làm sạch răng cơ học thường xuyên và đúng cách. Kiến thức về sức khỏe răng miệng là điều kiện tiên quyết cơ bản cho hành vi của một cá nhân trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe của chính họ [2].

Nhiều nghiên cứu về kiến thức và thực hành vệ sinh răng miệng đã được thực hiện giữa các sinh viên đại học ở các nơi khác nhau trên thế giới. Sinh viên ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt là đối tượng quan tâm nhiều đến sức khỏe răng miệng. Tuy nhiên, sinh viên ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt năm nhất chưa được tiếp cận với các môn học chuyên ngành. Vì vậy, giữa sinh viên năm nhất và sinh viên các năm cuối ít nhiều sẽ có sự cách biệt về kiến thức cũng như việc thực hành tự chăm sóc răng miệng. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: Xác định tỉ lệ kiến thức đúng và thực hành chăm sóc răng miệng của sinh viên ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt năm nhất và hai năm cuối trong năm 2022.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm I và năm V, năm VI theo học ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt tại Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên năm I và năm V, năm VI ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ có toàn trạng khỏe mạnh, đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không mất răng toàn bộ hai hàm.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện tại khoa Răng Hàm Mặt trường Đại Học Y Dược Cần Thơ từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022.

- **Cỡ mẫu:** Chọn 120 sinh viên ngành Răng Hàm Mặt năm I và năm V, năm VI Trường Đại học Y dược Cần Thơ thỏa mãn tiêu chuẩn chọn mẫu và tiêu chuẩn loại trừ. Cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = Z^2 \times \frac{p(1-p)}{\epsilon^2} = 1,96^2 \times \frac{0,947(1-0,947)}{0,04^2} = 120$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu

Z: độ tin cậy (Z = 1,96 khi độ tin cậy 95%)

$\epsilon$ : sai số cho phép ( $\epsilon = 0,04$ )

p = 0,947 (94,7% sinh viên Răng Hàm Mặt năm I đến năm IV trường Đại học Y Dược Huế chải răng ít nhất 2 lần/ngày)

Cỡ mẫu cuối cùng = 120 (sinh viên).

- **Nội dung nghiên cứu:** Biến số về đặc điểm của mẫu nghiên cứu (Thông tin chung) và biến số nghiên cứu (Kiến thức về chăm sóc răng miệng: nguyên nhân sâu răng và chảy máu nướu, tác dụng của fluoride, khuyến cáo của ADA và phương pháp Bass; Thực hành chăm sóc răng miệng: tần suất và thời gian đánh răng, cách chải răng, tần suất sử dụng các dụng cụ vệ sinh kẽ răng, tần suất thăm khám nha khoa, hút thuốc lá và ăn vặt). Bộ câu hỏi khảo sát được xây dựng dựa trên các nghiên cứu tương đồng về đối tượng và nội dung trong nước và quốc tế được cập nhật trong vòng 5 năm.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Bộ câu hỏi khảo sát trên Google Form có 3 phần, gồm 24 nội dung được gửi đến lớp trưởng các lớp RHM K42, RHM K43, RHM K47. Số liệu được thu thập bằng phần mềm Excel.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS statistic 22.

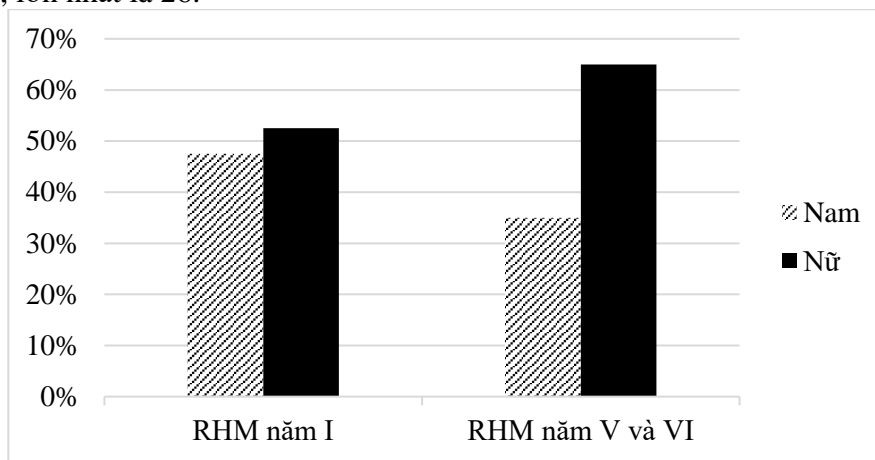
### 2.3. Đạo đức nghiên cứu

Trước khi tiến hành nghiên cứu, đề tài đã được sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (Quyết định số 522/PCT-HĐĐĐ) về các khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu đối với đề tài vào ngày 5/11/2021.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1 Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Tổng số gồm 120 sinh viên ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt (RHM) tham gia. Trong đó có 80 (66,7%) sinh viên RHM khóa 47 (năm I), 20 (16,7%) sinh viên RHM khóa 43 (năm thứ V), 20 (16,7%) sinh viên RHM khóa 42 (năm cuối). Gồm 52 nam và 68 nữ, chiếm tỷ lệ lần lượt là 43,3% và 56,7%. Tuổi trung bình của sinh viên các lớp là  $20,63 \pm 2,362$ , nhỏ nhất là 18, lớn nhất là 26.



Biểu đồ 1. Phân bố tỷ lệ nam nữ theo sinh viên RHM năm I,V và VI

### 3.2. Kiến thức và thực hành chăm sóc răng miệng của sinh viên

Bảng 2. Kết quả khảo sát kiến thức chăm sóc răng miệng

Nội dung	Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)
Kiến thức về nguyên nhân gây ra sâu răng		
- Sử dụng kem đánh răng không chứa chất fluoride.	87 (72,5)	33 (27,5)
- Thường xuyên ăn/uống những thực phẩm nhiều đường	114 (95)	6 (5)
- Các vi khuẩn có sẵn trong môi trường miệng.	104 (86,7)	16 (13,3)
- Không đánh răng thường xuyên.	113 (94,2)	7 (5,8)
Kiến thức về tác dụng của fluoride		
- Làm trắng răng.	56 (46,7)	64 (53,3)
- Ngừa sâu răng.	117 (97,5)	3 (2,5)
- Bảo vệ nướu răng.	58 (48,3)	62 (51,7)
Kiến thức về nguyên nhân chảy máu nướu		
- Hiện tượng sinh lý tự nhiên.	39 (32,5)	81 (67,5)
- Bệnh nha chu.	116 (96,7)	4 (3,3)
- Chải răng quá mạnh.	117 (97,5)	3 (2,5)
- Sâu răng.	56 (46,7)	64 (53,3)
Kiến thức về khuyến cáo của hiệp hội Nha khoa Hoa Kỳ (ADA) về đánh răng để phòng ngừa sâu răng và viêm nướu.		
- Đánh răng trong thời gian 2 phút.	100 (83,3)	20 (16,7)
- Đánh răng ít nhất 2 lần mỗi ngày.	113 (94,2)	7 (5,8)
- Sử dụng kem đánh răng chứa chất fluoride.	114 (95)	6 (5)
- Khám răng định kì ít nhất 1 lần mỗi năm.	23 (19,2)	97 (80,8)
- Làm sạch kẽ răng hằng ngày.	116 (96,7)	4 (3,3)
Kiến thức về phương pháp chải răng Bass		
- Mặt ngoài: Đặt bàn chải ngang, nghiêng 45 độ so với trục răng.	119 (99,2)	1 (0,8)

Nội dung	Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)
- Mặt trong răng trước: Đặt bàn chải ngang, thẳng góc với trục răng.	27 (22,5)	93 (77,5)
- Mặt nhai răng sau: Đặt bàn chải vuông góc.	103 (85,8)	17 (14,2)
- Động tác: Rung nhẹ, kéo tới lui, hất nhẹ bàn chải từ vùng cổ răng về phía mặt nhai/ cạnh cắn.	117 (97,5)	3 (2,5)

Nhận xét: Đa số sinh viên RHM có kiến thức đúng về nguyên nhân gây sâu răng, tác dụng ngừa sâu răng của fluoride, khuyến cáo của hiệp hội Nha khoa Hoa Kỳ (ADA) về đánh răng để phòng ngừa sâu răng và viêm nướu, và phương pháp chải răng Bass. Tuy nhiên ở một số nội dung ghi nhận tỉ lệ cao sinh viên trả lời chưa đúng.

### 3.3. Thực hành chăm sóc răng miệng của sinh viên

Bảng 3. Thực hành chăm sóc răng miệng của sinh viên theo lớp

Tần suất đánh răng trong 1 ngày	Sinh viên RHM (n, %)		p*
	Năm I	Năm V, năm VI	
Dưới 1 lần	3 (3,8)	0	0,55
Ít nhất 2 lần	77 (96,2)	40 (100)	
Tần suất sử dụng chỉ nha khoa			
Mỗi ngày	5 (6,2)	20 (50)	<0,001
Thỉnh thoảng	30 (37,5)	8 (20)	
Khi cảm thấy mắc thức ăn	12 (15)	9 (22,5)	
Không sử dụng	33 (41,3)	3 (7,5)	
Tần suất gặp bác sĩ Răng Hàm Mặt kiểm tra răng miệng			
<6 tháng	10 (12,5)	24 (60)	<0,001
7-12 tháng	10 (12,5)	10 (25)	

Bảng 4. Thực hành chăm sóc răng miệng của sinh viên theo lớp

>1 năm	10 (12,5)	0	
Chỉ đến khi có vấn đề	50 (62,5)	6 (15)	
Lần hẹn bác sĩ Răng Hàm Mặt gần nhất			
Trong 6 tháng gần đây	39 (48,8)	34 (85)	0,002
6-12 tháng trước	10 (12,5)	5 (12,5)	
Hơn 1 năm trước	24 (30)	1 (2,5)	
Chưa bao giờ đến	7 (8,7)	0	

Nhận xét: Tỉ lệ sinh viên đánh răng ít nhất 2 lần/ngày là rất cao: 96,2% ở sinh viên năm I, 100% đối với sinh viên năm V và năm VI. Có 50% sinh viên năm V và năm VI sử dụng chỉ nha khoa mỗi ngày trong khi tỉ lệ này ở sinh viên năm I chỉ có 6,2% (sự khác biệt có ý nghĩa thống kê). 41,3% sinh viên năm I không sử dụng chỉ nha khoa. 62,5% sinh viên năm I chỉ đến gặp bác sĩ Răng Hàm Mặt khi có vấn đề về răng miệng, trong khi 60% sinh viên năm V và năm VI kiểm tra răng miệng ít nhất 6 tháng/lần (sự khác biệt có ý nghĩa thống kê). Sinh viên năm V và năm VI có lần hẹn bác sĩ Răng Hàm Mặt gần nhất trong 6 tháng trở lại chiếm tỷ lệ 85%; cao hơn nhiều so với 48,8% ở sinh viên năm I. Không có sinh viên năm V và năm VI nào chưa từng đến nha sĩ trong khi tỷ lệ này ở sinh viên năm I là 8,7%.

#### IV. BÀN LUẬN

Các sinh viên Răng Hàm Mặt năm I tham gia vào nghiên cứu của chúng tôi chưa nhận được bất kỳ chương trình giáo dục và đào tạo chuyên ngành nào liên quan đến sức khỏe răng miệng. Nghiên cứu này không đề cập đến nhu sinh viên năm II, III, IV vì những sinh viên này đang được học một số môn chuyên ngành cơ bản nhưng vẫn chưa học đủ hết các môn. Ngược lại, sinh viên năm V và năm cuối đã được học qua hết các môn chuyên ngành cơ bản nên lượng kiến thức có thể có nhiều khác biệt so với sinh viên năm I.

Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu có sự chênh lệch nhiều ở các khóa: 80 sinh viên năm I, 20 sinh viên năm V và 20 sinh viên năm VI. Sự chênh lệch này là do có 2 lớp RHM K47 (năm I, sĩ số hơn 150 sinh viên) có sĩ số nhiều hơn lớp RHM K43 (năm V, sĩ số 60 sinh viên) và lớp RHM K42 (năm VI, sĩ số 60 sinh viên). Tuy nhiên, sinh viên 2 năm cuối không có sự chênh lệch nhiều về kiến thức chuyên ngành nên trong nghiên cứu này chúng tôi gộp 2 lớp này thành 1 nhóm.

Mặc dù 2/3 sinh viên tham gia nghiên cứu là sinh viên năm I, là đối tượng chưa được học nhưng kiến thức chuyên ngành liên quan đến răng miệng, phần lớn sinh viên có kiến thức tốt về cách chăm sóc răng miệng với tỉ lệ trả lời đúng là 78,4%. Tỉ lệ này tương đồng với nghiên cứu của Sandra R. Graçal (2019) về kiến thức sức khỏe răng miệng của thanh thiếu niên tại Bờ Đào Nha, Romanian và Thụy Điển với 81,2% có kiến thức tốt về tác dụng của việc đánh răng [3]. 87,9% sinh viên trả lời đúng các câu hỏi về nguyên nhân gây ra sâu răng (Bảng 2); cao hơn so với nghiên cứu của Trịnh Thị Tố Quyên (2020) cho thấy 67,81% trả lời đúng câu hỏi về nguyên nhân gây sâu răng [4]. Nghiên cứu của Sandra R. Graçal (2019) với chỉ 40,5% người tham gia xác định chính xác tác dụng của fluoride là ngăn ngừa sâu răng và khoảng một phần tư không biết lý do tại sao phải sử dụng fluoride [3]. Mặt khác, trong nghiên cứu này, hầu hết sinh viên chọn fluoride có tác dụng ngăn ngừa sâu răng với tỉ lệ 97,5%; cho thấy kiến thức tốt hơn. Có đến 67,5% sinh viên cho rằng chảy máu nướu là hiện tượng sinh lý tự nhiên (Bảng 2). Tỉ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Trịnh Thị Tố Quyên (2020) với 65,41% sinh viên cho rằng chảy máu nướu là viêm nướu [4]. Điều này có thể cho thấy kiến thức của sinh viên RHM trong nghiên cứu này về hiện tượng chảy máu nướu kém hơn so với các đối tượng sinh viên được đề cập ở trên mặc dù họ không phải là sinh viên RHM [3], [4]. Như vậy, kết quả này tương đồng với những nghiên cứu khác trong đó người tham gia cho thấy nhận thức cao về sâu răng hơn là tình trạng nướu răng [3]. Phương pháp chải răng Bass và khuyến cáo của ADA về chăm sóc răng miệng có vẻ không được sinh viên biết rõ. Thật vậy, hơn 80% sinh viên cho rằng ADA khuyến cáo khám răng định kì ít nhất 1 lần/năm và 77,5% sinh viên trả lời chưa đúng nội dung về cách chải mặt trong răng cửa theo phương pháp Bass.

Tỉ lệ sinh viên đánh răng ít nhất 2 lần/ngày là rất cao: 96,2% ở sinh viên năm I, 100% đối với sinh viên năm V và năm VI. (Bảng 4) Số liệu này cao hơn so với nghiên cứu của Antonija Tadin (2022) trên sinh viên ở Split, Croatia với tỉ lệ sinh viên đánh răng với bàn chải và kem đánh răng từ 2 lần/ ngày là 85,7%; nghiên cứu của Trịnh Minh Báu (2022) cho thấy có 90,13% sinh viên năm I Đại học Y Hà Nội, Việt Nam đánh răng ít nhất 2 lần/ngày [2], [5].

82,5% sinh viên có sử dụng chỉ nha khoa, với 20,8% sinh viên dùng mỗi ngày (Bảng 3), không tương đồng so với nghiên cứu của Trịnh Thị Tố Quyên (2020) cho thấy 12,96% có sử dụng chỉ nha khoa [4]. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên năm I và sinh viên năm V, VI trong tần suất sử dụng chỉ nha khoa (Bảng 3) . Sinh viên 2 năm cuối sử dụng chỉ nha khoa tốt hơn. Các nghiên cứu khác cũng cho thấy có sự khác biệt giữa sinh viên các khóa khác

nhau. Nghiên cứu của Ke Yao (2019) cho thấy: Sinh viên RHM năm III trường Đại học Tứ Xuyên ở Thành Đô, Trung Quốc có sự cải thiện rõ rệt so với các bạn với 40,9% sinh viên sử dụng chỉ nha khoa, cao hơn nhiều so với sinh viên nha khoa năm I chỉ có 14,2% [6].

83% sinh viên tham gia khảo sát kiểm tra răng miệng định kỳ ít nhất 1 lần/năm, trong đó 52% sinh viên đến nha sĩ ít nhất 6 tháng/lần. Sinh viên tham gia nghiên cứu này có sự quan tâm đến sức khỏe răng miệng của mình với 77% có đến nha sĩ trong vòng 1 năm gần đây (Bảng 3). Điều này tương đồng với nghiên cứu của Antonija Tadin (2022) có 74,2% sinh viên có đến nha sĩ trong 1 năm gần đây mặc dù tỉ lệ sinh viên khám răng ít nhất 1 lần/năm là ít hơn, chiếm 36% [2].

Tỷ lệ sinh viên năm I đến khám răng chỉ khi gặp vấn đề rất cao, chiếm 62,5%. Số liệu này cao hơn nghiên cứu của Trịnh Minh Báu: chỉ có 5,84% sinh viên năm I khám răng định kỳ [5]. Mặt khác đa số sinh viên năm V và năm VI kiểm tra răng miệng ít nhất 6 tháng/lần với tỷ lệ 60% trong khi chỉ có 12,5% sinh viên năm I như vậy. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ , Kiểm định Fisher's exact) (Bảng 3). 85% sinh viên năm V và năm VI đã đến gặp nha sĩ trong 6 tháng gần đây trong khi tỉ lệ này ở sinh viên năm I chỉ chiếm 48,8%. Tỉ lệ này cao hơn nghiên cứu của Altaf Hussain Shah, Sally A. ElHaddad (2015), chỉ hơn một nửa (55,8%) cho biết đã đi kiểm tra răng miệng trong 6 tháng qua và con số này ở sinh viên Răng Hàm Mặt cao hơn đáng kể ( $p < 0,05$ ) [7]. Không có sinh viên năm V và năm VI nào chưa từng đến nha sĩ trong khi tỷ lệ này ở sinh viên năm I là 8,7%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,002$ , Kiểm định Fisher's exact) (Bảng 3.9). Nghiên cứu của Đỗ Hoàng Việt (2022) cũng cho thấy ở sinh viên năm III mức độ thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng đã được cải thiện tương đối đáng kể với tỷ lệ 55,4% sinh viên ở mức tốt (lớn hơn 34,8% so với sinh viên năm thứ I), và còn lại chỉ có 41% sinh viên năm III thực hành mức trung bình, với  $p < 0,05$ ; từ đó đưa ra kết luận rằng thực hành chăm sóc sức khỏe răng miệng ở sinh viên năm III đã cải thiện khá hiệu quả so với sinh viên năm nhất, dù không có sự chênh lệch quá rõ ràng [8].

Tóm lại, chúng tôi nhận định rằng: sinh viên RHM tham gia nghiên cứu này có kiến thức và thực hành chăm sóc răng miệng nhìn chung tốt. Mặt khác, sinh viên còn hạn chế ở một số mặt trong kiến thức và một số biện pháp vệ sinh răng miệng. Tuy vậy, nghiên cứu này vẫn còn tồn đọng nhiều mặt hạn chế. Vẫn còn một số bảng kết quả chưa thực sự có ý nghĩa về mặt thống kê khi  $p > 0,05$ , do vậy việc phân tích các số liệu trong bảng này còn gặp nhiều khó khăn. Số lượng sinh viên ở các khóa có sự chênh lệch nhiều và khó khăn trong việc tiếp cận đến các đối tượng nghiên cứu vì vậy nên cỡ mẫu gồm các sinh viên đủ điều kiện chưa đủ lớn và do đó kết quả nghiên cứu chưa hoàn toàn mang tính đại diện. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chưa trực tiếp chỉ ra được mối tương quan giữa việc hiểu biết kiến thức và vận dụng vào thực hành, mà chỉ thông qua việc bàn luận và nhận xét giữa hai bảng số liệu kết quả; cũng như chưa thống kê đầy đủ những kiến thức khác liên quan đến sức khỏe răng miệng.

## V. KẾT LUẬN

Tỉ lệ câu trả lời đúng về kiến thức chăm sóc răng miệng là 78,4%. Gần như toàn bộ số sinh viên tham gia nghiên cứu đánh răng ít nhất 2 lần/ngày (96,2% ở sinh viên năm I; 100% ở sinh viên năm V và VI). Có sự khác biệt giữa sinh viên năm I và sinh viên hai năm cuối có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ) trong tần suất sử dụng chỉ nha khoa và tần suất đến nha khoa kiểm tra răng miệng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Peres, M.A. et al. Oral diseases: A global public health challenge. *Lancet*. 2019. 394, 249–260, [https://doi.org/10.1016/S0140-6736\(19\)31146-8](https://doi.org/10.1016/S0140-6736(19)31146-8).
  2. Tadin A., Poljak Guberina R., Domazet J., and Gavic, L. Oral Hygiene Practices and Oral Health Knowledge among Students in Split, Croatia. *Healthcare*. 2022. 10(2), 10-406, <https://doi.org/10.3390/healthcare10020406>.
  3. Graca S. R., Albuquerque T. S., Luis H. S., Assunção V. A., Malmqvist S. et al. Oral Health Knowledge, Perceptions, and Habits of Adolescents from Portugal, Romania, and Sweden: A Comparative Study. *Journal of International Society of Preventive & Community Dentistry*. 2019. 9(5), 470-480, [https://doi.org/10.4103/jispcd.JISPCD\\_194\\_19](https://doi.org/10.4103/jispcd.JISPCD_194_19).
  4. Trịnh Thị Tố Quyên. Tình trạng sức khỏe răng miệng, các yếu tố liên quan và hiệu quả chương trình nâng cao sức khỏe răng miệng trên sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Sài Gòn năm 2015. Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh. 2020. 76-77.
  5. Trịnh Minh Báu và cộng sự. Một số yếu tố Liên Quan đến thực trạng sâu răng của Sinh Viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020 - 2021. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*. 2022. 151(3), Tháng Ba 2022, 170-178, <https://doi.org/10.52852/tencyh.v151i3.633>.
  6. Yao K., Yao Y., Shen X., Lu C., and Guo Q. Assessment of the oral health behavior, knowledge and status among dental and medical undergraduate students: a cross-sectional study. *BMC oral health*. 2019. 19(1), 26, <https://doi.org/10.1186/s12903-019-0716-6>.
  7. Shah A. H. and ElHaddad S. A. Oral hygiene behavior, smoking, and perceived oral health problems among university students. *Journal of International Society of Preventive & Community Dentistry*. 2015. 5(4), 327-333, <https://doi.org/10.4103/2231-0762.161765>.
  8. Đỗ Hoàng Việt và cộng sự. Kiến thức, thái độ, thực hành và tình trạng lợi của sinh viên răng hàm mặt trường Đại học Y Hà Nội. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*. 2022. 151(3), 209-219, <https://doi.org/10.52852/tencyh.v151i3.639>.
-